TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 502/2025/DS-ST
Ngày: 03 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

2. Ông Hoàng Bá Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyến là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1233/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 1232/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN; địa chỉ: Tầng 2, số 81 đường C, phường B (phường B, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thùy D), sinh năm 2000; địa chỉ nơi làm việc: Tầng 1, số 112 Đường số 10, Khu đô thị VP, phường H , Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 05/2025/POA ngày 11 tháng 4 năm 2025).

Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 332/63 đường N, phường A (Phường 05, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thùy D) là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 08/12/2009, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính Prudential Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên SHVN) và ông Trần Văn P ký kết hợp đồng tín dụng cá nhân số 10168144 có nội dung: số tiền vay là 33,000,000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn: 36 tháng; lãi suất 2.75%/1 tháng; lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và lãi được trả thành 36 kỳ; phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên SHVN (viết tắt là SVFC) và Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN (viết tắt là VID) ký kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION SVFC. Theo thỏa thuận, SVFC đã chuyển nhượng cho VID Hợp đồng tín dụng số 10168144 ngày 08/12/2009, VID được toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ông P đã thanh toán số tiền 17.712.900 đồng, bao gồm: nợ gốc là 7.955.200 đồng và nợ lãi trong hạn là 9.757.700 đồng.

Đến ngày 01/01/2011, Ông P ngưng thanh toán và toàn bộ dư nợ được chuyển sang dư nợ quá hạn.

Tính đến ngày 03/9/2025, Ông P còn nợ Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN như sau: nợ gốc: 25.044.800 đồng; nợ lãi trong hạn: 16.285.068 đồng (là nợ lãi tính trên dư nợ gốc trong hạn theo lãi suất cho vay tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 01/12/2012 là 25.044.800 đồng x 2.75% x 24 kỳ = 16.529.5684 đồng);

Tuy nhiên, tại kỳ thứ 13, bị đơn không thanh toán đủ số tiền phải trả hằng tháng là 1.455.700 đồng mà chỉ thanh toán 244.500 đồng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, VID cần trừ số tiền thanh toán 244.500 đồng vào nợ lãi trong hạn của bị đơn. Do đó, nợ lãi trong hạn còn lại là 16.529.5684 đồng - 244.500 đồng = 16.285.068 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 158.063.994 đồng (tính từ ngày tiếp theo của ký kết thúc hợp đồng đến thời điểm chuyển giao nợ, cụ thể tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 03/9/2025): dư nợ gốc x 150% x 2.75% x 153 kỳ = 158.063.994 đồng.

Căn cứ Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Ông Trần Văn P có nghĩa vụ thanh toàn bộ nợ gốc và lãi cho Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN là: 199.393.862 (một trăm chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba ngàn tám trăm sáu mươi hai) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 25.044.800 đồng; nợ lãi trong hạn: 16.285.068 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 03/9/2025: 158.063.994 đồng.

Kể từ ngày 04/9/2025, ông Trần Văn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

2. *Bị đơn – ông Trần Văn P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN khởi kiện yêu cầu Ông P trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông P cư trú tại quận Gò Vấp (nay là phường An Nhơn), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bà Dương có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho Ông P nhưng Ông P vắng mặt, không nộp *(gửi)* cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu

chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng cá nhân số 1016814 ngày 08/12/2009 và bảng tính lãi chi tiết ngày 03/9/2025 của Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN yêu Ông P trả tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 199.393.862 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN yêu cầu Ông P thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 04/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN yêu cầu Ông P trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn khÔng P hải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Trần Văn P trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN tổng số nợ là 199.393.862 (một trăm chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi ba ngàn tám trăm sáu mươi hai) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là 25.044.800 đồng, nợ lãi trong hạn là 16.285.068 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 03/9/2025: 158.063.994 đồng.

Kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2025, Ông P tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Mua bán nợ QTVN được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0014909 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông P phải nộp số tiền án phí là 9.969.693 (chín triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào